TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27/8/2020
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Bình - Cán bộ hưu.

Bà Nguyễn Thị Bích- Cán bộ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 27/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khaivụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 51/2020/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Tăng Thị L, sinh ngày02/12/1988.

Nơi đăng ký HKTT: thôn GC, xã QS, huyện LNg, tỉnh BG.

Nơi ở: thôn TC, xã TT, thành phố BG, tỉnh BG.

Xin vắng mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Anh Diệp Văn Ch, sinh ngày 18/01/1990.

Nơi đăng ký HKTT trước khi xuất cảnh: thôn GC, xã QS, huyện LNg, tỉnh BG.

Hiện đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình làm việc tại Tòa án,*

nguyênđơn là chị Tăng Thị L trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Diệp Văn Ch kết hôn ngày 06/12/2016 tại UBND xã TT, thành phố BG, tỉnh BG. Trước khi kết hôn có sự tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Tháng 9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, anh Ch đã đánh đập chị khiến cho chị phải về nhà mẹ đẻ ở và ly thân với anh Ch từ đó đến nay. Sau đó chị cũng muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn chung sống hòa thuận nhưng không được. Tháng 10/2018 anh Chđi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng không cho chị biết. Sau khi sang Đài Loan thỉnh thoảng anh Ch cũng gọi điện nói chuyện nhưng lại cãi nhau, anh Ch lại chửi chị. Từ khi chị sinh cháu Diệp Lý H (sinh ngày 30/4/2017) anh Ch không có sự quan tâm nuôi dưỡng con. Nayxác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Diệp Văn Ch.

- Về con chung : Vợ chồng có 01 con chung là cháuDiệp Lý H, sinh ngày 30/4/2017, hiện nay cháu ở cùng với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 2.000.000 đồng/ 1 tháng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ chung) :không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Diệp Văn Ch hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Diệp Văn Ch.

Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua bố đẻ của anh Chlà ông Diệp Văn Th, sinh năm 1965, địa chỉ: thôn GC, xã QS, huyện LNg, tỉnh BG.

Tại các biên bản làm việc với Tòa án ông Diệp Văn Th có quan điểm trình bày: Anh Diệp Văn Ch là con trai của ông, hiện nay anh Ch đi lao động ở nước ngoài và vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Địa chỉ của anh Ch ở nước ngoài thì gia đình không cung cấp được và gia đình cũng từ chối thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc thông báo, yêu cầu anh Ch gửi quan điểm, lời khai về cho Tòa án. Về yêu cầu khởi kiện của chị Tăng Thị L, gia đình đã thông báo cho anh Ch biết. Anh Ch có trao đổi quan điểm với gia đình về việc chị L xin ly hôn như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Ch đồng ý ly hôn với chị Tăng Thị L.

- Về con chung: Anh Ch, chị L có 01 con chung là Diệp Lý H, sinh ngày 30/4/2017, hiện nay cháu ở cùng với chị L. Ly hôn anh Ch đồng ý để chị L nuôi con chung.Về cấp dưỡng nuôi con chung không đồng ý mức 2.000.000 đồng / 1 tháng. Lý do vì anh Ch còn đang có nhiều khoản nợ phải thanh toán. Sau này có điều kiện kinh tế anh Ch sẽ tự động cấp dưỡng cho cháu H sau.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ chung): không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Tăng Thị L xin vắng mặt, không có quan điểm gì khác về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết nuôi con chung. Anh Diệp Văn Ch vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ xét thấy tình trạng mâu thuẫn của đương sự là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56-Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết cho chị Tăng Thị L được ly hôn anh Diệp Văn Ch. Về con chung: căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là Diệp Lý H, sinh ngày 30/4/2017cho chị Tăng Thị L nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung: buộc anh Diệp Văn Ch cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L theo mức 1.000.000 đồng/ 1 tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi xét xử đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tài sản chung, công nợ: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.Về án phí: căn cứ khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội buộc chị Tăng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Tăng Thị L là người Việt Nam, hiện đang sống và làm việc tại Việt Nam có đơn xin ly hôn anh Diệp Văn Ch và đề nghị giải quyết nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn anh Diệp Văn Ch là người Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thôn GC, xã QS, huyện LNg, tỉnh BG nhưng đang cư trú ở nước ngoài không có địa chỉ cụ thể. Căn cứ công văn số: 4231/QLXNC-P5 ngày 27/3/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an thì anh Diệp Văn Ch đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 02/10/2018, chưa thấy thông tin nhập cảnh về Việt Nam; không có thông tin địa chỉ nước đến, địa chỉ ở nước ngoài của anh Ch. Từ các nội dung trên, HĐXX xác định:

về quan hệ pháp luật đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1, Điều 28- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; về thẩm quyền: do có đương sự ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa chị Tăng Thị L vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Diệp Văn Ch vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ thì đây được coi là trường hợp anh Diệp Văn Ch cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã niêm yết tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Diệp Văn Ch theo quy định tại khoản 5, Điều 177; Điều 179 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. HĐXX thấy việc vắng mặt của các đương sự không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Do vậy căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228- Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối vớianh Diệp Văn Ch, chị Tăng Thị L.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1].Chị Tăng Thị Lvà anh Diệp Văn Ch kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06/12/2016 tại UBND xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc. Tháng 9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, anh Ch đã đánh đập chị L khiến chị phải về nhà mẹ đẻ ở và ly thân với anh Ch từ đó đến nay. Sau đó chị L cũng muốn hòa giải để vợ chồng hàn gắn chung sống hòa thuận nhưng không được. Tháng 10/2018 anh Ch đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng không cho chị L biết. Sau khi sang Đài Loan thỉnh thoảng anh Ch cũng gọi điện nói chuyện với chị L nhưng lại cãi nhau. Từ khi chị L sinh con anh Ch không có sự quan tâm nuôi dưỡng. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Diệp Văn Ch. Thông qua người thân (là bố đẻ) anh Diệp Văn Ch có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Tăng Thị L.

[3.2]. Hội đồng xét xử thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tăng Thị L và anh Diệp Văn Ch là hôn nhân hợp pháp. Từtháng 9/2017 đến nay thì chị L và anh Ch sống ly thân với nhau, mỗi người ở một nơi. Tháng 10/2018 anh Ch đi lao động ở nước ngoài nhưngít liên lạc với chị L, mỗi lần liên lạc về chỉ để hỏi thăm con, vợ chồng nói chuyện là lại cãi nhau.Giữa chị L và anh Ch không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống nữa.Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm

sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị L và anh Ch đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tăng Thị L và anh Diệp Văn Ch đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả hai anh chị đều đồng ý ly hôn. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Tăng Thị L được ly hôn anh Diệp Văn Ch.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị Tăng Thị L và anh Diệp Văn Ch có 01 con chung là cháu Diệp Lý H, sinh ngày 30/4/2017, hiện nay cháu ở cùng với chị L. Ly hôn chị L đề nghị được nuôi con chung và yêu cầu anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 2.000.000 đồng / 1 tháng. Thông qua thân nhân anh Ch đồng ý để chị L nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con không chấp nhận mức 2.000.000 đồng / 1 tháng.

[4.2]. HĐXX thấy: Chị Tăng Thị L có nguyện vọng nuôi con chung và có đầy đủ điều kiện nuôi con chung. Anh Ch cũng đồng ý để chị L nuôi con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Diệp Lý H, sinh ngày 30/4/2017. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện anh Ch đang lao động tại nước ngoài (Đài Loan), theo gia đình anh Ch cung cấp còn một số khoản nợ chưa thanh toán được. Thực tế việc đi nước ngoài lao động có tốn kém chi phí. Công việc, mức thu nhập cụ thể tại nước ngoài của anh Ch thì chị L không cung cấp được. Mặt khác trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp cũng có ảnh hưởng đến công việc, thu nhập của người lao động nói chung. Vì vậy HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu của chị L, buộc anh Ch phải cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 1.000.000 đồng/ 1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi xét xử đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Diệp Văn Ch về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ): các đương sự hiện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Sau này nếu có tranh chấp tài sản chung thì các đương sự có quyền đề nghị Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5; Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị Tăng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; điểm b, khoản 1, Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2, Điều 479- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị L được ly hôn anh Diệp Văn Ch.

2. Về con chung:

- Giao con chung là Diệp Lý H, sinh ngày 30/4/2017cho chị Tăng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

- Buộc anh Diệp Văn Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Tăng Thị L theo mức 1.000.000 đồng/ 1 tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi xét xử sơ thẩm đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Diệp Văn Ch về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ

án khác theo quy định tại Điều 84- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Tăng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000640 ngày 16/4/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Tăng Thị L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Anh Diệp Văn Ch hiện đang cư trú ở nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Chị Tăng Thị L cư trú tại Việt Nam, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
-TAND Cấp Cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang
- UBND xã T, thành phố B;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Ong Thân Thắng